

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST

Ngày : 09/9/2020

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Chuyển.

2. Ông Ngô Văn Bê.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:* Ông Ông Nguyễn Đức Sơn- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 09 /9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXX-ST ngày 31/7/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 70/ 2020/QĐ-ST ngày 17/8/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm: 1993.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm 2, thôn an Cư, xã Đức X, huyện Gia L, tỉnh H. (Vắng mặt).

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn V, sinh năm: 1985.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Hố Trúc, xã Cẩm L, huyện Lục N, tỉnh B.

Hiện đang lao động tại nước ngoài.

Địa chỉ cuối cùng của anh Nguyễn Văn V tại Việt Nam là thôn Hố Trúc, xã Cẩm L, huyện Lục N, tỉnh B. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 11/6/2020 Nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn V kết hôn ngày 05/4/2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm L, huyện Lục N, tỉnh B, được Ủy ban nhân dân xã Cẩm L cấp giấy chứng nhận kết hôn và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh V làm dâu và ở chung cùng gia đình chồng, sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, không cùng quan điểm trong cuộc sống và anh V không chung thủy với chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Sự việc xảy ra liên tục trong một thời gian dài mặc dù hai bên cũng như gia đình hai bên đã nhiều lần động viên giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng hòa thuận chung sống với nhau nhưng không đạt được kết quả. Đến năm 2012 thì anh V đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc và đến tháng 4/2015 do tâm lý không ổn định nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở Hải Dương sinh sống cho đến nay. Kể từ năm 2015 cho đến nay vợ chồng chị không còn quan tâm đến nhau và cũng không liên lạc gì với nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 31/12/2009 và cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 06/11/2011. Hiện nay, các cháu đang ở với anh V và bà nội. Ly hôn chị đề nghị được giao con chung cho anh V nuôi dưỡng. Về phí tổn cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H còn trình bày: Hiện nay anh V vẫn ở Hàn Quốc, địa chỉ cụ thể của anh V ở Hàn Quốc chị không cung cấp được cho Tòa án được vì chị không liên lạc được với anh V, anh V vẫn liên lạc về gia đình nhưng mẹ đẻ anh V là bà Nguyễn Thị L, trú tại: Thôn Hố Chúc, xã Cẩm L, huyện Lục N, tỉnh B cũng không cung cấp địa chỉ nên chị không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên chị không thể tham gia được các phiên họp về việc kiểm tra tiếp, cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị và anh V được, nên chị đề nghị Tòa án cho chị

được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn Văn V.

Bị đơn anh Nguyễn Văn V không có bản tự khai.

Ngày 29/6/2020 và ngày 15/7/2020 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn V là bà Nguyễn Thị L, trú tại: Thôn Hố Chúc, xã Cẩm L, huyện Lục N, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà L1 thông báo cho anh V biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn V; yêu cầu anh V viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu bà L1 cung cấp địa chỉ cụ thể của anh V ở Hàn Quốc. Tuy nhiên qua 2 lần làm việc bà L1 vẫn giữ nguyên quan điểm là anh V ở Hàn Quốc vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh V ở Hàn Quốc cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh V, đồng thời bà cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh V biết để anh V gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh V gửi về.

Bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Bà là bà nội của cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 31/12/2009 và cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 06/11/2011, từ khi các cháu sinh ra tới nay vẫn ở với bà, các cháu được đi học và phát triển bình thường, con trai bà là anh Nguyễn Văn V vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình và thường xuyên gửi tiền về cho bà và gia đình để nuôi dưỡng các cháu.

Tại đơn trình bày các cháu Nguyễn Thị L1 và Nguyễn Văn Q đều trình bày: Cháu là con của bố Nguyễn Văn V và mẹ Trần Thị H, hiện nay các cháu đang ở cùng với bà nội. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với bố cháu và bà nội.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Văn V vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H; Biên bản làm việc với mẹ đẻ của anh V là bà Nguyễn Thị L1 và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh V không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh V; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh V là đúng.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; 238; điều 271; điều 273; khoản 2 điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H. Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 31/12/2009 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 06/11/2011 cho anh Nguyễn Văn V nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị H là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Trần Thị H.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của anh V là bà Nguyễn Thị L1 để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu bà L1 thông báo cho anh V biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn V; Yêu cầu anh V viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà L1 cung cấp địa chỉ cụ thể của anh V ở Hàn Quốc. Bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Anh V vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà bà L1 vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh V cho Tòa án,

cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh V biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn V theo thủ tục chung.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Trần Thị H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn V, anh V hiện đang lao động tại Hàn Quốc nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 9104/QLXNC – P5 v/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 18/6/2020 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì anh V xuất cảnh ngày 5 lần, lần gần nhất là ngày 13/02/2016 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh V ở Việt Nam là: Thôn Hố Chúc, xã Cẩm L, huyện Lục N, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn V kết hôn ngày 05/4/2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm L, huyện Lục N, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H trình bày: Sau khi kết hôn chị về nhà anh làm dâu và chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và anh V sống không chung thủy với chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Năm 2012 thì anh V xuất khẩu đi lao động tại Hàn Quốc thì đến tháng 4/2015 do tâm lý không ổn định nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở Hải Dương sinh sống từ đó đến nay và vợ chồng anh chị cũng đã không quan tâm tới nhau và cũng không liên lạc gì với nhau từ đó đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn V. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh V chung sống với nhau hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2012 thì anh V đi lao động tại Hàn Quốc và đến tháng 4/2015 thì chị Vui đã về nhà bố mẹ đẻ ở Hải Dương sinh sống từ đó đến nay vợ chồng anh chị đã cắt đứt mọi liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy, tình cảm giữa chị H và anh V đã mâu thuẫn trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H. Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

[4]. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn V có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 31/12/2009 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 06/11/2011. Hiện nay các cháu đang ở cùng với anh V và bà Nội. Ly hôn chị H đề nghị được giao con chung cho anh V nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H về yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy từ khi chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 4/2015 đến nay thì các cháu Nguyễn Thị L1 và Nguyễn Văn Q vẫn ở cùng với bà nội (mẹ anh V) các cháu được bà nội chăm sóc phát triển bình thường, anh V vẫn thường xuyên gửi tiền về cho mẹ anh để nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu. Do vậy chị H đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 31/12/2009 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 06/11/2011 cho anh Nguyễn Văn V nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với điều kiện thực tế và tránh xáo trộn cuộc sống bình thường của các cháu và đảm bảo việc học tập ổn định cho các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

Giao con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 31/12/2009 và cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 06/11/2011 cho anh Nguyễn Văn V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị Trần Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn V là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị L, sinh ngày 31/12/2009 và cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 06/11/2011. Chị Trần Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Buộc chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000754 ngày 26/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Văn V hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Cẩm Lý, Lục Nam.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Chuyên Nguyễn Văn Bê

Trần Thị Hà

